

# VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

✍️ ĐẶNG VĂN CƯỜNG\* - NGUYỄN VĂN ĐỒNG\*\*

Ngày nhận: 04/05/2017

Ngày phản biện: 24/08/2017

Ngày duyệt đăng: 28/09/2017

**Tóm tắt:** Cùng với lĩnh vực “lập pháp” và “hành pháp”, lĩnh vực “tư pháp” luôn được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm, điều này được thể hiện qua hàng loạt chủ trương, định hướng chỉ đạo của Đảng nhằm xây dựng một nền tư pháp dân chủ, tiến bộ. Gắn với mỗi thời kỳ lịch sử, Đảng Cộng sản Việt Nam đều để lại những dấu ấn sâu sắc đối với hoạt động tư pháp, luôn kịp thời đề ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn đối với công tác tư pháp nước nhà. Bài viết tập trung phân tích, luận giải về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống Viện kiểm sát và Tòa án. Từ đó đưa ra những đánh giá, tổng kết về việc thực hiện vai trò của Đảng trong lĩnh vực tư pháp từ lịch sử lập hiến cho đến nay.

**Từ khóa:** vai trò của Đảng; lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực tư pháp.

## LEADERSHIP ROLES FOR JUDICIAL ACTIVITIES

**Abstract:** Along with the “legislative” and “executive” fields, “Judicial” is always concerned by the Party and State. This is reflected in a series of guidelines and direction of the Party to build a democratic and progressive justice system. Associated with each historical period, the Communist Party of Vietnam leaves a deep impression on the judiciary; Always promptly set out the right policies and decisions for the judicial work of the country. The paper focuses on analysis and interpretation of the leadership of the Party towards the system of procuracies and courts. From that point of view, the review of the Party’s role in the judicial sector from the constitutional history to date.

**Keywords:** The role of the Party; the leading of Communist Party in the judiciary field.

### 1. Cơ sở và nền tảng lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động tư pháp

Quyền tư pháp hiểu theo nghĩa rộng bao gồm thẩm quyền xét xử và các thẩm quyền liên quan đến xét xử như điều tra, truy tố, thi hành án. Ngoài ra, còn có thể kể đến các hoạt động hỗ trợ tư pháp như: luật sư, công chứng, giám định...; trong đó, xét xử là hoạt động trung tâm. Quyền tư pháp còn được các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý định nghĩa, đó là: “quyền xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh tế, lao động, hành chính...” [8]. Quyền tư pháp đó được thực hiện bởi các cơ quan tư pháp, bao gồm: các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, các tổ chức luật sư, các cơ quan giám định, cơ quan công chứng; trong đó, quan trọng nhất là Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân. Bởi vậy, trong 5 bản Hiến pháp (1946, 1959, 1980, 1992, 2013) của nước Cộng hòa

xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đều dành ra các phần quy định cụ thể cho nhánh quyền lực thứ ba (tư pháp) tập trung trình bày quyền hạn, trách nhiệm của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. Hai cơ quan này có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, của các công dân; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Trong việc thực hiện các nhiệm vụ tư pháp, Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử. Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân thủ pháp luật và thực hành quyền công tố. Tòa án là nơi biểu hiện tập trung của quyền

\* Văn phòng Luật sư Chính pháp

\*\* Trường Đại học Luật Hà Nội

tư pháp; nơi mà kết quả của hoạt động điều tra, công tố, bào chữa, giám định tư pháp được kiểm tra, xem xét, đánh giá một cách công khai thông qua thủ tục tố tụng để đưa ra những phán xét cuối cùng mang tính quyền lực Nhà nước; nơi thể hiện chất lượng hoạt động và uy tín của các cơ quan tư pháp trong tổ chức bộ máy Nhà nước, phản ánh một cách đầy đủ và sâu sắc nhất bản chất nền công lý của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực tư pháp tuân theo nguyên tắc bảo đảm các cơ quan tư pháp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của mọi pháp nhân - dù đó là cơ quan, đoàn thể, tập thể hay cá nhân công dân; bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất. Nhờ vậy, mọi quan điểm, chủ trương, tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Đảng sau khi được thể chế hoá sẽ được thực thi một cách nghiêm minh, có hiệu quả. Khi đó, vai trò lãnh đạo của Đảng được củng cố, tăng cường và phát huy trên phạm vi toàn thể xã hội. Khi đánh giá tính đúng - sai, thước đo hiệu quả vai trò lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực tư pháp, phải lấy đó làm chuẩn mực. Do có tính độc lập tương đối về chức năng, nhiệm vụ giữa Viện kiểm sát nhân dân và Toà án nhân dân, trong điểm này, ở những chỗ cần thiết, tạm thời tách ra để trình bày phương thức lãnh đạo của Đảng đối với từng loại cơ quan tương ứng.

## **2. Thực tiễn vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động tư pháp**

### **2.1. Đối với hoạt động của Viện Kiểm sát Nhân dân**

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Viện kiểm sát nhân dân được bắt đầu bằng việc lãnh đạo về tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân và xác định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này. Lịch sử xây dựng và phát triển của cơ quan công tố (nay là Viện kiểm sát nhân dân) gắn liền với quá trình cải cách tư pháp ở nước ta và chịu sự chi phối một cách trực tiếp của quá trình cải cách đó. Từ năm 1946 đến năm 1950, hệ thống cơ quan công tố được tổ chức nằm trong cơ cấu của Toà án, do Bộ Tư pháp quản lý. Tuy nhiên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp không có quyền trực tiếp làm nhiệm vụ công tố. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Toà án, Đảng ta đã chỉ đạo xây dựng hệ thống Toà án các cấp. Năm 1950, cùng

với việc thành lập hệ thống Toà án nhân dân các cấp, tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố đã có những thay đổi đáng kể [7].

Về mặt tổ chức, Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp điều khiển Công tố viên trong địa hạt của mình. Ủy ban này có thể ra mệnh lệnh cho ngành công tố. Đại diện ngành công tố phải tuân theo mệnh lệnh của Ủy ban. Về mặt thẩm quyền, Công tố viên không chỉ có quyền kháng cáo về mặt hình mà có quyền kháng cáo cả về việc hộ (dân sự). Đây là sự mở rộng rất đáng kể thẩm quyền của cơ quan công tố, thể hiện sự thay đổi căn bản quan niệm truyền thống cho rằng những việc hộ (các vụ việc về dân sự) chỉ là công việc mang tính tư nhân, xã hội không can thiệp đến.

Trên cơ sở Nghị quyết ngày 29/4/1958 của Quốc hội khóa I (kỳ họp thứ 8), Viện công tố với tư cách là một hệ thống cơ quan nhà nước độc lập được thành lập từ Trung ương đến địa phương, tách khỏi Bộ Tư pháp. Xuất phát từ yêu cầu khách quan của việc chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta, giai đoạn vừa tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, vừa tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đảng đã chỉ đạo thành lập Viện kiểm sát nhân dân trên cơ sở Hiến pháp năm 1959 và xây dựng Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960. Trong đó quy định Viện kiểm sát nhân dân có chức năng kiểm sát việc tuân thủ pháp luật và được tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất lãnh đạo trong ngành [5]. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc các đơn vị hành chính tương đương đều lập ra Ủy ban kiểm sát, nhưng chỉ là cơ quan tư vấn cho Viện trưởng.

Sau khi thống nhất đất nước (1975), trên cơ sở đường lối và nhiệm vụ cách mạng được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (năm 1976), Nhà nước ta đã ban hành Hiến pháp năm 1980. Ở đó không chỉ tiếp tục quy định chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, mà còn nhấn mạnh hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân, nhấn mạnh trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, kiểm sát hoạt động tư pháp trong việc điều tra, xét xử. Trên cơ sở Hiến pháp năm 1980, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981 được ban hành, tiếp tục khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thực hiện

chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hành quyền công tố.

Trên tinh thần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính, ngày 4/12/1991, Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã ra kết luận về việc sửa đổi Hiến pháp năm 1980, cải cách một bước bộ máy Nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, Hội nghị đã khẳng định chức năng của Viện kiểm sát nhân dân. Như vậy, theo quan điểm của Đảng, việc sửa đổi Hiến pháp năm 1980 không làm thay đổi vị trí, chức năng của các cơ quan Nhà nước, trong đó có Viện kiểm sát nhân dân [6].

Ngày 7/10/1992, Quốc hội đã thông qua Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, thể chế hoá quan điểm của Đảng về cải cách các cơ quan tư pháp, cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp năm 1992 về Viện kiểm sát nhân dân. Từ góc độ nguyên tắc tổ chức và hoạt động, so với Hiến pháp năm 1980, các quy định về Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992, thì có 2 điểm mới cơ bản:

*Một là*, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân địa phương chịu trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng nhân dân về tình hình thi hành pháp luật ở địa phương và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân (Điều 140). Điều đó có nghĩa là, Hội đồng nhân dân có quyền giám sát hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân (Điều 7, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992).

*Hai là*, Viện kiểm sát không còn là cơ quan tư vấn cho Viện trưởng, mà có quyền thảo luận và quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng (Điều 138). Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu không còn được toàn quyền tự quyết định mọi vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân ở cấp tương ứng.

Ngày 15/4/2002 và năm 2003 xây dựng Kế hoạch số 04/KH-LN về tiếp tục rà soát đơn khiếu kiện về tư pháp và phân loại xử lý theo thẩm quyền của các cơ quan tư pháp. Tiếp đó là Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02 tháng 06 năm 2005 "Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" đã nhấn mạnh vấn đề trọng tâm "Nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là

khâu đột phá của hoạt động tư pháp" [4]. Đặc biệt, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chỉ đạo toàn ngành phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật, triển khai thực hiện Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (2014); Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự (2015); Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự (2015); Luật Hành chính và Luật Tổ tụng hành chính (2015).

Như vậy, các chủ trương, định hướng và nghị quyết của Đảng từng bước làm rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận hành của Viện kiểm sát nhân dân; giúp không ngừng nâng cao năng lực phẩm chất của đội ngũ cán bộ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương công tác, cụ thể hoá nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm sát, hoạt động công tố.

## 2.2. Đối với hoạt động của Tòa án Nhân dân

*Lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực xây dựng hệ thống toà án:* Ngay sau khi Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ngày 13/9/1945 thiết lập các Tòa án quân sự, đánh dấu sự ra đời Tòa án nhân dân. Tính đến thời điểm hiện tại (2017), ngành Tòa án nhân dân đã có một hệ thống hoàn chỉnh, bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao, các Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; các Tòa án nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; Tòa án quân sự Trung ương; các Tòa án quân sự quân khu và tương đương và các Tòa án quân sự khu vực.

*Vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc xác định nhiệm vụ của Tòa án:* Khi nói đến Tòa án nhân dân là nói đến cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chỉ có Tòa án mới nhân danh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh tế và hành chính... "Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự và các Tòa án khác do luật định là những cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (Điều 127, Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25/12/2001 và Điều 1, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002); "Tòa án xét xử những vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh tế, hành chính và giải quyết những việc khác theo quy

định của pháp luật” (Điều 1, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002).

*Hội nghị cũng đã đề ra những chủ trương về đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân:* (1) Thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử. Bỏ thủ tục xét xử sơ chung thẩm của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án quân sự Trung ương. Nghiên cứu áp dụng thủ tục rút gọn để xét xử kịp thời một số vụ án đơn giản, rõ ràng; (2) Tòa án nhân dân tối cao tập trung vào công tác tổng kết xét xử, hướng dẫn các Tòa án áp dụng pháp luật thống nhất và làm tốt chức năng giám đốc xét xử. Đổi mới thủ tục giám đốc thẩm để bảo đảm việc xét xử vừa đúng đắn vừa nhanh chóng; (3) Nghiên cứu phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án cấp tỉnh và Tòa án cấp huyện; đồng thời căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ hiện nay mà điều chỉnh tiêu chuẩn tuyển chọn cho phù hợp để kịp thời bổ sung đủ Thẩm phán cho Tòa án cấp huyện và Tòa án cấp tỉnh” [5].

Để công tác tư pháp có những chuyển biến mạnh mẽ, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 02/01/2002, “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*” [3]. Nghị quyết này là văn kiện thể hiện tương đối toàn diện, có hệ thống quan điểm của Đảng về công tác tư pháp, trong đó có công tác tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân. Các quan điểm chỉ đạo đó vừa kế thừa, vừa phát triển, cụ thể hoá những quan điểm đã được xác định trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng về xây dựng Nhà nước.

*Lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ của Tòa án:* Theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân được Quốc hội khoá IX, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 06/10/1992, Thẩm phán Tòa án nhân dân, Thẩm phán Tòa án quân sự các cấp do Chủ tịch nước bổ nhiệm thay cho chế độ bầu hoặc cử Thẩm phán trước đó. Để lãnh đạo việc tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp đạt kết quả tốt, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 341/CT-TW, ngày 18-3-1994: “Về sự lãnh đạo của Đảng đối với việc tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân, Thẩm phán Tòa án quân sự các cấp”, trong đó yêu cầu các cấp uỷ và tổ chức đảng ở các cấp, các ngành có liên quan cần nắm vững tiêu chuẩn tuyển chọn Thẩm phán và những nội dung được nêu trong Pháp lệnh về Thẩm phán, về Hội thẩm Tòa án nhân dân; đồng thời, lưu ý một số vấn đề về việc tuyển

chọn Thẩm phán, về Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán cũng như việc chuẩn bị nhân sự để đưa ra Hội đồng tuyển chọn. Trong Chỉ thị đó nhấn mạnh: “Khi xem xét các tiêu chuẩn, cần chú ý trước hết tiêu chuẩn về chính trị và phẩm chất đạo đức...”.

Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 2/6/2005 “*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” [4] đã nhấn mạnh vấn đề trọng tâm “*nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”. Qua hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị đời sống chính trị, pháp lý của nước ta đã có những thay đổi to lớn, việc triển khai Nghị quyết 49 đã góp phần quan trọng nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò của hoạt động tư pháp, sự cần thiết phải đẩy mạnh cải cách hệ thống tư pháp; có thể nói Nghị quyết đã vạch ra định hướng để Việt Nam xây dựng nền pháp chế trong sạch, vững mạnh, Nghị quyết 49 đã đưa chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp nâng lên rõ rệt, cán bộ và nhân dân cả nước đã nhận thức đúng đắn về chủ trương, quan điểm của Đảng, nhà nước về chiến lược cải cách tư pháp, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các dự án luật, nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp, hoàn thiện tổ chức bộ máy cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp; các vụ án được khởi tố, xét xử, thi hành án đảm bảo khách quan, đúng pháp luật. Công tác tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp luôn được chú trọng. Việc xây dựng, rà soát, bổ sung, quy hoạch cán bộ ở các cơ quan tư pháp đã được quan tâm, thực hiện theo đúng quy định [6].

Trong bản Hiến pháp năm 2013, lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến ở nước ta, quyền tư pháp và cơ quan thực thi quyền tư pháp được quy định rõ, trong đó quyền tư pháp được hiểu là hoạt động xét xử của Tòa án và những hoạt động của các cơ quan, tổ chức khác trực tiếp liên quan đến hoạt động xét xử của Tòa án, nhằm bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền tư pháp được thực hiện không chỉ bởi cơ quan xét xử (tòa án), mà cả Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra và các cơ quan hỗ trợ tư pháp, như: Luật sư, Công chứng, Giám định... Như vậy, Hiến pháp (2013) đã quy định quyền tư pháp phải xuất phát từ nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước, phù hợp với đặc thù về thể chế chính trị, thực tế và truyền thống pháp

luật của Việt Nam, xoay quanh nhận thức về quyền tư pháp là hoạt động của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Cơ quan thi hành án và thiết chế hỗ trợ tư pháp [1].

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (2014) với tinh thần thể chế hóa những định hướng của Đảng về cải cách tư pháp và cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Tòa án nhân dân (2014) đã quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tòa án nhân dân, trong đó có những nội dung quan trọng như: Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật; Khi thực hiện nhiệm vụ xét xử vụ án hình sự, Tòa án có quyền xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; Trong quá trình xét xử vụ án, Tòa án phát hiện và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Như vậy, từ các chủ trương, định hướng, nghị quyết của Đảng và thực tiễn thực thi Hiến pháp và pháp luật trong từng giai đoạn cụ thể, đã từng bước làm rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận hành, của hệ thống Tòa án nhân dân; đề cao công tác nâng cao năng lực cán bộ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương công vụ, cụ thể hóa nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xét xử của tòa án.

### **3. Thực tiễn kết quả đạt được trong hoạt động tư pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng**

Sau khi Nghị quyết 49-NQ/TW năm 2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” tích cực được triển khai, cùng với việc thực hiện Hiến pháp (2013), Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân (2014), Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân (2014). Bên cạnh đó, có sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, hoạt động tư pháp nước ta đã thu được những kết quả tích cực.

#### **3.1. Những thành tựu đạt được**

Một là, tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp từng bước được kiện toàn và xác định rõ hơn chức

năng, nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả chủ trương tăng thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân cấp huyện; mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân đối với các khiếu kiện hành chính. Về cơ quan điều tra, giữ nguyên hệ thống, gồm: Bộ Công an (có An ninh điều tra, Cảnh sát điều tra); Bộ Quốc phòng (có Điều tra hình sự, An ninh điều tra); Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có cơ quan điều tra, tuy nhiên Bộ chính trị yêu cầu thu gọn đầu mối ở từng cơ quan.

Hai là, đội ngũ Luật sư đã có bước trưởng thành và càng được xã hội thừa nhận. Năm 1980, Luật sư chưa được ai công nhận. Hiện nay đội ngũ Luật sư nước ta có trên 10.000 Luật sư chính thức; 4.000 Luật sư tập sự [2].

Ba là, hoạt động mở rộng hợp tác quốc tế về tư pháp được mở rộng phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ với hơn 80 quốc gia, tổ chức quốc tế về tư pháp. Năm 2012, Việt Nam trở thành thành viên của công tổ viên quốc tế; tham gia nhiều hoạt động của quốc tế về tư pháp như: hội nghị LaHay về Tư pháp quốc tế năm 2013; hội đồng nhân quyền Liên Hợp quốc năm 2014...

Bốn là, phương thức lãnh đạo của Đảng và Công tác giám sát của các cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp tiếp tục đổi mới. Đảng lãnh đạo, cử cán bộ tham gia vào các kế hoạch, quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ bổ sung vào các cơ quan tư pháp. Kết quả cải cách tư pháp đã góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

#### **3.2. Những tồn tại, hạn chế**

Thứ nhất, việc thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm, chưa theo đúng lộ trình của Chiến lược cải cách tư pháp.

Thứ hai, việc nghiên cứu, xác định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế phân bổ ngân sách và việc đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ của các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp vẫn còn chậm.

Thứ ba, một số cán bộ tư pháp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến tình trạng oan sai trong xét xử.

Thứ tư, công tác giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với hoạt động tư pháp hiệu quả thấp.

*Thứ năm*, sự phối hợp giữa cấp ủy, tổ chức đảng các cơ quan tư pháp Trung ương với các cấp ủy địa phương và giữa các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp với nhau trong việc lãnh đạo thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp chưa thực sự chặt chẽ.

*Thứ sáu*, nhận thức của một số cán bộ, đảng viên về trách nhiệm triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp chưa thực sự đầy đủ, nhất quán; chưa thể hiện quyết tâm cao trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại cơ quan, tổ chức.

#### **4. Kết luận và kiến nghị**

##### **4.1. Kết luận**

Từ hoạt động thực tiễn trong các hoạt động tư pháp như: hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân và hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân, có thể nhận thấy vai trò lãnh đạo xuyên suốt của Đảng trong hệ thống tư pháp. Từ những phân tích, luận giải trong bài viết có thể khái quát và tổng kết vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực tư pháp, gồm những vai trò sau:

*Một là*, xây dựng hệ thống các quan điểm, tư tưởng về tội phạm, về hình phạt; về thủ tục tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, hành chính, lao động, hôn nhân, gia đình...

*Hai là*, xác định các quan điểm về tổ chức bộ máy, nguyên tắc hoạt động của các cơ quan và tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh tư pháp.

*Ba là*, giới thiệu cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất để bầu hoặc bổ nhiệm vào các chức vụ và các chức danh của các cơ quan tư pháp và các chức danh tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

*Bốn là*, cho ý kiến về việc xử lý các vụ án quan trọng, phức tạp về an ninh chính trị, kinh tế - xã hội, trật tự trị an gây hậu quả nghiêm trọng, được dư luận xã hội quan tâm, hoặc các vụ án có ảnh hưởng chính trị rộng ở trong nước và ngoài nước.

*Năm là*, chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, các chức danh tư pháp và nhân viên hoạt động trong các cơ quan tư pháp, bảo đảm cho các cơ quan tư pháp làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng; bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh và thống nhất; góp phần bảo vệ chế độ xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của mọi công dân. Chống bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội...

##### **4.2. Kiến nghị**

*Thứ nhất*, cần sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện

hệ thống các văn bản pháp luật trong lĩnh vực tư pháp nói chung và trong lĩnh vực xét xử nói riêng.

*Thứ hai*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp, trong đó Đảng lãnh đạo chặt chẽ hoạt động tư pháp và các cơ quan tư pháp và chính trị, tổ chức và cán bộ.

*Thứ ba*, hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp. Trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện tổ chức hoạt động của tòa án nhân dân.

*Thứ tư*, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh. Nhất là hoàn thiện các chế định hỗ trợ tư pháp, đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn để công tác xét xử diễn ra công bằng, đúng pháp luật, tránh oan sai.

*Thứ năm*, hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử đối với lĩnh vực tư pháp và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp.

*Thứ sáu*, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi xét xử là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; từng bước xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp. □

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Đặng Văn Cường (2017), Nghiên cứu khoa học luật hình sự ở Việt Nam: Thực tiễn và vấn đề đặt ra, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 137, tr.34-39.
2. Nguyễn Văn Đồng, Hà Thị Khuyên (2017), Hoạt động tranh tụng trong tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 117.
3. Bộ chính trị (2002), Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, *Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2/1/2002*, Hà Nội.
4. Bộ chính trị (2005), Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, *Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 2/6/2005*, Hà Nội.
5. Bộ Khoa học và Công nghệ (2005), Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, *Chương trình KHXH cấp Nhà nước KX-03-08*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016), *Nxb. Chính trị Quốc gia*, Hà Nội, tr.201.
7. Nguyễn Phú Trọng (2004), Xây dựng Đảng cầm quyền: Một số kinh nghiệm từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản*, số 5.
8. Viện Khoa học Pháp lý (2006), Từ điển Luật học, *Nxb. Từ điển Bách khoa*, Hà Nội, tr. 657.